

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường
không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng không khí giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1182/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (chi tiết Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Y tế; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo TN, Đài PTTH tỉnh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh

40

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Kèm theo Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025
của UBND tỉnh Tây Ninh)

1. Đánh giá chất lượng môi trường không khí tỉnh Tây Ninh

Chất lượng môi trường không khí tỉnh Tây Ninh nhìn chung ổn định, có sự khác biệt giữa các khu vực và biến động theo mùa. Một vài thời điểm tại một số vị trí, chất lượng không khí có dấu hiệu suy giảm và gia tăng trong những năm gần đây, tập trung chủ yếu vào các khu vực như sau:

- Khu vực trung tâm đô thị và các nút giao thông: Chất lượng môi trường không khí giữa các đô thị phía Bắc và phía Nam của tỉnh có sự khác biệt. Hầu hết các giá trị SO_2 , CO, NO_2 , O_3 , bụi $PM_{2.5}$ đều nằm trong giá trị giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí - QCVN 05:2023/BTNMT. Chất lượng môi trường không khí tại thành phố Tây Ninh còn tốt và chưa có dấu hiệu ô nhiễm. Trong một số thời điểm, giá trị độ ồn ở một số vị trí nút giao thông đã vượt quy chuẩn¹. Tại khu vực thị xã Trảng Bàng, các giá trị SO_2 , NO_x , CO đều cao hơn so với thành phố Tây Ninh; giá trị trung bình tổng bụi lơ lửng (TSP) và bụi PM_{10} năm 2021-2022 vượt quy chuẩn từ 1,2 – 1,8 lần, tỷ lệ số ngày giá trị chỉ số chất lượng môi trường không khí (VN_AQI) ở mức tốt giảm dần trong giai đoạn 2021-2024 (từ 47% xuống 9%). Chất lượng môi trường không khí vùng phía Nam của tỉnh phản ánh mức độ đô thị hóa và tập trung công nghiệp, mật độ giao thông kết nối giữa thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh trong vùng và Vương quốc Campuchia.

- Khu vực khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Giá trị các thông số tổng bụi lơ lửng (TSP), SO_2 , NO_2 , CO đều nằm trong giá trị giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT. Phần lớn các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh thu hút các ngành nghề chính là sản xuất vật liệu mới, vật liệu xây dựng, phụ gia xây dựng, cấu kiện ngành xây dựng; dược, thiết bị y tế; sản xuất linh kiện, thiết bị và máy công – nông – ngư nghiệp; linh kiện thiết bị điện; sản xuất các sản phẩm gia dụng và thủ công mỹ nghệ; lắp ráp xe đạp, xe máy, ô tô, các phương tiện vận tải chuyên dùng; dệt nhuộm, may mặc,... có sử dụng lò hơi với nhiên liệu đốt là củi, than đá, dầu FO,... đều là những nguồn phát thải các thông số ô nhiễm cao, tuy nhiên chất lượng môi trường không khí khu vực khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp giai đoạn 2019 – 2024 được quản lý và kiểm soát khá tốt.

¹ Ngã tư đường CMT8 và Tua Hai (TP. Tây Ninh), vòng xoay Gò Dầu, ngã tư TX. Trảng Bàng, ngã tư Đồng Pan (TT. Tân Châu)

- Tại các khu vực khác²: trong giai đoạn 2019 – 2024 các giá trị quan trắc độ ồn, SO₂, CO, NO₂, O₃, TSP, PM₁₀ và PM_{2.5} đều nằm trong giá trị giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

2. Đánh giá công tác quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

2.1. Đánh giá công tác quản lý chất lượng môi trường không khí

- Thể chế, chính sách và các giải pháp quản lý chất lượng không khí:

Thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Ngoài ra, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, văn bản chỉ đạo nhằm thực hiện công tác nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng môi trường không khí tại địa phương như: Công văn số 75/UBND-KTTC ngày 15/01/2020 về tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Công văn số 175/UBND-KT ngày 20/01/2021 về việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Kế hoạch số 719/KH-UBND ngày 28/02/2022 về việc triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Công văn số 809/UBND-KT ngày 22/3/2023 về việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Kế hoạch số 1511/KH-UBND ngày 22/5/2023 về việc thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Công văn số 4296/UBND-KT ngày 29/12/2023 và Công văn số 1629/UBND-KT ngày 31/5/2024 về việc tăng cường công tác truyền nhận và kiểm soát dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh...

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản số 2786/STNMT-PBVMT ngày 26/4/2023 về việc triển khai thực hiện một số quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động gửi các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Các Sở, ban, ngành khác như: Công Thương, Xây dựng, Ban Quản lý khu kinh tế,... và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai nhiều giải pháp tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí, giải quyết các điểm nóng về ô nhiễm bụi và khí thải.

Tăng cường quan trắc, kiểm soát chất lượng môi trường không khí trong các Khu công nghiệp, khu chất xuất, khu kinh tế trong đó đặc biệt chú ý đến các cơ sở sản xuất có phát sinh nguồn bụi, khí thải lớn. Yêu cầu các cơ sở sản xuất,

² Khu vực đập chính hồ Dầu Tiếng; Chợ Long Hoa; Khu dân cư cách bãi rác 500m xã Tân Hưng, huyện Tân Châu.

kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục quy định tại Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường 2020 phải lắp quan trắc tự động hoàn thành trước ngày 31/12/2024; đẩy nhanh tiến độ đầu tư, lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục đúng thời gian quy định, có camera theo dõi, hệ thống quan trắc phải đáp ứng quy định kỹ thuật về quan trắc môi trường, thời gian, tần suất, thông số theo quy định của pháp luật, truyền dữ liệu trực tiếp đến cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường và các cơ quan liên quan để theo dõi, giám sát. Trường hợp xảy ra ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn có hại cho sức khỏe cần phối hợp với các cơ quan y tế kịp thời phổ biến, hướng dẫn người dân thực hành các biện pháp bảo vệ sức khỏe an toàn.

Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân không đốt chất thải rắn, phụ phẩm nông nghiệp, rơm rạ sau thu hoạch để giảm phát sinh khí thải, bụi gây ô nhiễm môi trường, đồng thời có giải pháp tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp cho các mục đích sử dụng khác. Xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường đối với hành vi đốt chất thải rắn sinh hoạt sai quy định, tăng cường kiểm tra xử lý vi phạm đối với các cơ sở thu mua phế liệu đốt chất thải rắn công nghiệp thông thường không kiểm soát (sau khi phân loại không còn sử dụng được).

Đôn đốc, kiểm tra các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện các biện pháp kiểm soát, xử lý khí thải, đặc biệt là các cơ sở có phát sinh nguồn bụi, khí thải lớn phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/08/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.

Kiểm tra, đôn đốc các chủ dự án, các đơn vị quản lý, thi công các công trình xây dựng, giao thông hạ tầng đô thị thực hiện nghiêm các biện pháp ngăn ngừa giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh (che chắn xung quanh công trình, các xe vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng phải được phủ bạt, che đậy kín để không làm rơi vãi, phun nước rửa đường, rửa xe ra vào công trình,...).

Sở Xây dựng tổ chức triển khai Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 12/5/2022 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ lãi suất cho vay vốn đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Hiệu quả của các giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí đang thực hiện:

Trong thời gian qua, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác quản lý môi trường được quan tâm chú trọng. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện công tác truyền thông bảo vệ môi trường đã được tăng cường, đặc biệt là môi trường không khí. Các cơ quan ban ngành trong tỉnh như: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Công Thương thường xuyên phối hợp để giải quyết các vấn đề môi trường liên quan trên địa bàn tỉnh, thường xuyên trao đổi

các thông tin, tài liệu, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm đối với những trường hợp vi phạm đảm bảo khách quan, thống nhất, cùng hỗ trợ lẫn nhau thực hiện.

Về đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh, cấp tỉnh: 10 công chức, cấp huyện: 18 công chức Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện (mỗi huyện tối đa 02 công chức), cấp xã: 93 cán bộ (mỗi xã 01 cán bộ kiêm nhiệm luôn lĩnh vực địa chính, xây dựng). Ngoài ra, tham gia quản lý môi trường còn có 01 công chức Phòng Kỹ thuật An toàn môi trường thuộc Sở Công Thương, 05 cán bộ Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và 05 cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường.

Công tác tuyên truyền được Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành, các cấp thường xuyên thực hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng về nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường, hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 5/6, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn, Ngày Đa dạng sinh học,... Trong năm 2024, đã tổ chức 02 lớp tập huấn phổ biến, nâng cao kiến thức pháp luật về biến đổi khí hậu, kiểm kê khí nhà kính và đa dạng sinh học với 320 đơn vị tham gia; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh thực hiện tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo Cao đài Tòa thánh Tây Ninh tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu tại Thánh thất phường Ninh Sơn, phường Trảng Bàng, thị trấn Gò Dầu; phối hợp Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Tây Ninh tổ chức hội thi Tuyên truyền viên giỏi về bảo vệ môi trường; Treo băng rôn, pa nô, áp phích, tổ chức tập huấn cho cán bộ Đoàn viên thanh niên, cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh đến cơ sở, giáo viên từ bậc học mẫu giáo, phổ thông và trường chuyên nghiệp.

Tổ chức 02 lớp tập huấn phổ biến, nâng cao kiến thức pháp luật về biến đổi khí hậu, kiểm kê khí nhà kính với sự tham dự của trên 1.000 lượt cán bộ làm công tác môi trường tại các doanh nghiệp, cán bộ các Sở, ngành có liên quan, tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; biên soạn Sổ tay hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp đầu tư trong Khu công nghiệp, khu kinh tế.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp nhận và xử lý thủ tục cấp giấy phép môi trường; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành từ khâu thẩm định cấp phép chứng nhận đầu tư, thẩm định công nghệ, kiên quyết từ chối đầu tư với các dự án cơ nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu không phù hợp quy chuẩn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, lựa chọn nghề ít phát sinh chất thải, có công nghệ mới, tiên tiến; thực hiện và đưa vào ứng dụng các đề tài, dự án, đề án liên quan đến quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Công tác xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với hoạt động sản xuất gạch đất sét nung trên địa bàn: UBND tỉnh chấp thuận chủ trương chuyển đổi công nghệ Hoffman sang Tuynel của 43 cơ sở sản xuất gạch đất sét nung; ban hành Quyết định số 1366/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030 và đưa ra lộ trình loại bỏ công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường.

Định kỳ hàng năm Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh đã chủ trì, phối hợp Phòng Nông nghiệp và Môi trường Thị xã Trảng Bàng, các huyện: Gò Dầu, Bến Cầu và Dương Minh Châu tiến hành lấy 28 mẫu khí thải phục vụ công tác kiểm soát chất lượng môi trường đối với các dự án có lưu lượng nguồn thải lớn tại các doanh nghiệp hoạt động trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất/Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Qua đó, yêu cầu các doanh nghiệp tăng cường việc kiểm soát chất lượng khí sau xử lý, triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố trong vận hành hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Tính đến hết năm 2024 đã có 15 cơ sở (20 trạm) lắp đặt quan trắc khí thải tự động, liên tục hoàn chỉnh hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền số liệu trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có văn bản yêu cầu các doanh nghiệp còn lại phải lắp đặt hệ thống quan khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; từ tháng 01/2021 trên địa bàn tỉnh đã lắp đặt 02 trạm quan trắc không khí xung quanh tự động cố định, liên tục tại thành phố Tây Ninh (đường 30/4) và thị xã Trảng Bàng (ngã tư thị xã Trảng Bàng) được Sở Nông nghiệp và Môi trường đầu tư lắp đặt và đưa vào vận hành, khai thác đã góp phần hoàn thiện mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh, cung cấp dữ liệu tin cậy cho hệ thống dữ liệu quan trắc môi trường địa phương.

Lĩnh vực thông tin truyền thông: Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh phối hợp với các đơn vị liên quan sản xuất trên 150 chương trình phát thanh tuyên truyền bảo vệ môi trường phát sóng trên hệ thống Đài Truyền thanh 9 huyện, thị xã, thành phố, thực hiện các tin, bài, phóng sự phát sóng trong chương trình thời sự hàng ngày, xây dựng chuyên trang về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; Báo Tây Ninh phối hợp với các đơn vị liên quan đăng thông tin tuyên truyền hàng tháng trên Báo Tây Ninh (06 kỳ/06 tháng).

Lĩnh vực trồng trọt – chăn nuôi: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức thực hiện 60 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) an toàn; đã hoàn thành trang bị 55/45 bể chứa gom bao bì thuốc BVTV sau sử dụng; tổ chức 01 đợt thu gom, tiêu hủy 2.733 kg bao bì thuốc BVTV

sau sử dụng tại các vùng sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh; giảm chăn nuôi nhỏ lẻ, không cấp phép chăn nuôi trong khu dân cư; chỉ xem xét các dự án đầu tư chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường.

Lĩnh vực giao thông vận tải: Triển khai Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 12/5/2022 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; tuyến xe buýt từ bến xe Hoà Thành - bến xe Củ Chi (TP. Hồ Chí Minh) đã được đầu tư mới 6 xe buýt, đưa vào hoạt động từ tháng 1.2023; phối hợp cùng Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng phần mềm tra cứu thông tin, lịch trình các tuyến xe buýt với tên gọi “Go! Bus Tây Ninh”, tích hợp vào ứng dụng di động dùng chung của tỉnh (Tây Ninh Smart) và ứng dụng Zalo giúp người dân dễ dàng tra cứu tuyến đường, lịch trình của các tuyến xe buýt, nâng cao chất lượng dịch vụ đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng, khuyến khích sử dụng xe buýt nhiều hơn trong hoạt động hằng ngày; đưa vào hoạt động 331 xe taxi điện trên toàn tỉnh.

- Các vấn đề bất cập, tồn tại trong công tác quản lý chất lượng không khí:

Công tác quản lý môi trường không khí đã có sự tham gia chung tay Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là có sự giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại những bất cập và hạn chế như:

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có nhiều quy định mới, thực tiễn áp dụng tồn tại nhiều khó khăn; doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chưa kịp thời nắm bắt được hết các quy định mới nên dẫn đến thực hiện chưa đúng hoặc chưa đầy đủ quy định của pháp luật; chưa áp dụng triển khai việc nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, trao đổi hạn ngạch khí thải công nghiệp; nhân lực quản lý môi trường ở cấp xã là cán bộ địa chính kiêm nhiệm không đảm bảo được chuyên môn cũng như kỹ năng quản lý nhà nước về môi trường.

Một số doanh nghiệp nhỏ gặp khó khăn về nhân lực và tài chính trong việc kiểm soát đối với nguồn phát sinh khí thải, áp dụng kỹ thuật công nghệ để hoạt động sản xuất giảm thiểu phát thải và sử dụng nhiên liệu sạch; vẫn còn tồn tại các vi phạm trong hoạt động như không vận hành thường xuyên và đảm bảo hệ thống xử lý khí thải để vượt quy chuẩn cho phép.

Chưa có quy định về kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy đang lưu hành nên không có cơ sở pháp lý để triển khai công tác kiểm soát, xử lý các phương tiện xe mô tô, xe gắn máy không đảm bảo các quy định về khí thải.

Sự phối hợp giữa các cấp chính quyền trong công tác bảo vệ môi trường không khí còn chưa thật sự chặt chẽ và đồng bộ; ở cấp huyện và xã công tác chưa xây dựng được các Kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo chuyên sâu về công tác bảo vệ môi trường không khí, chưa cụ thể hóa việc triển khai thực hiện các mô hình, phong trào bảo vệ môi trường theo chỉ đạo của tỉnh chưa thật sự chú trọng.

Nhu cầu công tác bảo vệ môi trường không khí lớn nhưng nguồn chi và ngân sách của tỉnh là có hạn; các chương trình và nhiệm vụ trong lĩnh vực kiểm soát nguồn ô nhiễm không khí chưa nhiều; đầu tư lắp đặt trạm quan trắc chất lượng môi trường không khí chưa tương xứng với hiện trạng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Sự tham gia của cộng đồng dân cư còn hạn chế do nhiều nguyên nhân như trình độ văn hóa, tập quán và thói quen sinh hoạt lâu đời.

2.2. Hiện trạng quan trắc chất lượng môi trường không khí

- Chương trình quan trắc chất lượng môi trường không khí định kỳ: Theo Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Đề án mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025, mạng lưới quan trắc môi trường không khí tỉnh Tây Ninh bao gồm 34 vị trí, cụ thể như sau: Thành phố Tây Ninh (05 vị trí), Thị xã Hòa Thành (05 vị trí), Huyện Châu Thành (04 vị trí), Huyện Dương Minh Châu (04 vị trí), Huyện Tân Châu (04 vị trí), Huyện Tân Biên (03 vị trí), Huyện Gò Dầu (02 vị trí), Huyện Bến Cầu (03 vị trí) và Thị xã Trảng Bàng (04 vị trí). Tần suất quan trắc thực hiện 02 tháng/đợt (06 đợt/năm) vào tháng 2, 4, 6, 8, 10 và 12. Các thông số quan trắc đối với khu vực thương mại dịch vụ, Khu công nghiệp (hướng gió, áp suất, Nhiệt độ, Độ ẩm tương đối, Tốc độ gió, Độ ồn, cường độ dòng xe, tổng bụi lơ lửng TSP, Pb, SO₂, NO₂, CO, O₃), đối với khu vực giao thông (hướng gió, áp suất, Nhiệt độ, Độ ẩm tương đối, Tốc độ gió, Độ ồn, cường độ dòng xe, tổng bụi lơ lửng TSP, Bụi PM₁₀, Bụi PM_{2.5}, Pb, SO₂, NO₂, CO, O₃, benzen, xylen, toluen), đối với khu vực gần bãi chôn lấp (hướng gió, áp suất, nhiệt độ, độ ẩm tương đối, tốc độ gió, độ ồn, cường độ dòng xe, tổng bụi lơ lửng TSP, Pb, SO₂, NO₂, CO, O₃, H₂S, NH₃, Mercaptan).

- Chương trình quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục: Trên địa bàn tỉnh có 2 trạm quan trắc không khí tự động, liên tục được Sở Nông nghiệp và Môi trường đầu tư lắp đặt từ tháng 04/2020, hoàn thành và nghiệm thu vào ngày 3/11/2020, đưa vào vận hành, khai thác tháng 01/2021. Trạm số 1 - Trạm quan trắc không khí tự động Thành phố Tây Ninh (TKK01) quan trắc chất lượng không khí xung quanh tại khu vực ngã ba đường 30 Tháng 4 và đường Trần Hưng Đạo, thành phố Tây Ninh; Trạm số 2 - Trạm quan trắc không khí tự động Thị xã Trảng Bàng (TKK02) quan trắc chất lượng không khí xung quanh tại khu vực ngã tư thị xã Trảng Bàng. Các thông số quan trắc gồm: CO, NO, NO₂, NO_x, SO₂, O₃, bụi TSP, bụi PM₁₀, PM_{2.5}, PM₁. Ngoài ra, trạm còn quan trắc các thông số khí tượng, thủy văn: tốc độ gió (vận tốc gió), hướng gió, nhiệt độ, độ ẩm, áp suất khí quyển, lượng mưa, bức xạ mặt trời. Các trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh được vận hành theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và theo Quy trình vận hành chuẩn (SOP) đã ban hành và theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT. Về nhân sự thực hiện duy trì, vận hành bố trí cố định mỗi trạm 01 nhân viên vận hành, 01 bảo vệ, quản lý chung trạm là 03 nhân viên. Dữ liệu truyền về được duyệt tự động mỗi 5 phút dưới dạng.txt và đưa vào cơ sở dữ liệu bằng phần mềm giám sát dữ liệu quan trắc tự động.

2.3. Xác định và đánh giá các nguồn phát thải khí thải chính

- Các nguồn điểm: Theo số liệu điều tra, thống kê, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có các nguồn điểm³ chủ yếu từ các ngành công nghiệp sản xuất quan trọng của tỉnh gồm: 354 doanh nghiệp trong 06 Khu công nghiệp chủ yếu các ngành gia công dệt may, dệt sợi, da giày, chế tạo lớp xe, sản phẩm kim loại và linh kiện cơ khí, ...; 97 cơ sở sản xuất gạch, vật liệu xây dựng; 65 nhà máy chế biến khoai mì (sắn); 22 cơ sở chế biến mùn cao su; 02 nhà máy chế biến mía đường; 01 nhà máy sản xuất xi măng; 04 khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và 74 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Các nguồn di động: Phát thải khí thải nguồn di động trên địa bàn tỉnh chủ yếu là từ hoạt động của các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, gồm: Ô tô < 9 chỗ ngồi sử dụng nhiên liệu xăng, dầu DO, LPG, CNG; phương tiện giao thông thương mại chở hàng hóa có trọng tải nhỏ (< 3,5 tấn) sử dụng nhiên liệu xăng, dầu DO; phương tiện giao thông chở hàng hóa và xe bus có trọng tải lớn (> 3,5 tấn) sử dụng nhiên liệu xăng, dầu DO, CNG; xe mô tô (02 bánh) sử dụng nhiên liệu xăng. Thực hiện kiểm kê lưu lượng phương tiện tại 20 vị trí⁴ trên 02 tuyến Quốc lộ và 05 tuyến Tỉnh lộ. Kết quả cho thấy tỷ lệ % xe lưu thông các trên các tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ lần lượt như sau: Ô tô < 9 chỗ (19,3% và 16,1%); Xe tải < 3,5 tấn (4,7% và 4,5%); Xe tải và xe bus > 3,5 tấn (4,0% và 4,9%); Xe máy (72,0% và 74,4%). Xe máy là phương tiện lưu thông chính trên từng loại đường đối với hoạt động giao thông đường bộ.

- Các nguồn diện: Phát thải khí thải nguồn diện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh chủ yếu do các hoạt động: đốt phế phẩm nông nghiệp; xây dựng; làng nghề; chăn nuôi gia súc, gia cầm; đun nấu sinh hoạt; khai thác khoáng sản.

2.4. Tổng hợp kết quả kiểm kê phát thải

- Nguồn điểm: kết quả kiểm kê phát thải nguồn điểm bao gồm các nhóm ngành nghề chính như: Sản xuất vải, sợi, dệt nhuộm; tái chế, xử lý chất thải rắn thông thường, nguy hại, y tế; Sản xuất, gia công giày da; sản xuất xi măng; sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản, phân bón hóa học; chế biến cao su; chế biến tinh bột sắn; chế biến mía đường; sản xuất gạch và các ngành nghề khác. Tổng lượng phát thải ước tính lần lượt là: TSP/PM (1.627,4 tấn/năm); PM₁₀ (122,2 tấn/năm); PM_{2.5} (109,0 tấn/năm); SO₂ (2.162,2 tấn/năm); NO_x (1.644,9 tấn/năm); CO (2.814,2 tấn/năm). Các ngành sản xuất vải sợi dệt nhuộm, tái chế chất thải, gạch nung là các ngành có mức phát thải cao nhất trong lĩnh vực công nghiệp.

³ Được xác định là các nguồn phát sinh khí thải lớn qua ống khói cố định, có sử dụng nhiên liệu đốt hoạt gia nhiệt trong quá trình hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoạt động với quy mô công suất lớn và vừa quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ có xét đến sự phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Tây Ninh.

⁴ 04 điểm trên Quốc lộ 22 (Suối Sâu – Mộc Bài); 04 điểm trên Quốc lộ 22B; 04 điểm trên tỉnh lộ ĐT784; 02 điểm trên ĐT793; 02 điểm trên tỉnh lộ ĐT785; 02 điểm trên đường ĐT781, 02 điểm trên đường ĐT786.

- Nguồn di động: Tổng lượng phát thải ước tính lần lượt là: $PM_{2.5}$ (162,9 tấn/năm); SO_2 (77,4 tấn/năm); NO_x (2.640,1 tấn/năm); CO (8.398,9 tấn/năm); HC (1.918,8 tấn/năm). Hoạt động của các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ là nguồn phát thải chính của nguồn di động.

- Nguồn diện: Tổng lượng phát thải ước tính lần lượt là: TSP/PM (4.241,2 tấn/năm); PM_{10} (1.105,6 tấn/năm); $PM_{2.5}$ (1.023,1 tấn/năm); SO_2 (652,1 tấn/năm); NO_x (165,4 tấn/năm); CO (23.535,7 tấn/năm). Hoạt động đốt hờ rơm rạ ngoài đồng ruộng là nguồn phát thải chính của nguồn diện.

2.5. Mô hình hóa chất lượng môi trường không khí

- Kết quả của việc áp dụng mô hình khuếch tán, lan truyền các chất ô nhiễm trong không khí: Kết quả tính toán mô phỏng hiện trạng các chất ô nhiễm trong không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh cho thấy nồng độ cao nhất 24h các thông số đều nằm trong ngưỡng giới hạn của của QCVN 05:2023/BTNMT và nằm trong khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới (WHO Air Quality Guidelines 2021). Nồng độ cao nhất 24h các thông số lần lượt là TSP ($165 \mu g/m^3$); $PM_{2.5}$ ($21,3 \mu g/m^3$); PM_{10} ($103 \mu g/m^3$); SO_2 ($23,2 \mu g/m^3$); NO_x ($86,1 \mu g/m^3$); CO ($7.383 \mu g/m^3$). Kết quả chạy mô hình hóa phát tán cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm phân bố không đồng đều, biến động lớn theo không gian và thời gian do ảnh hưởng của vị trí và đặc điểm các khu vực phát thải; ô nhiễm nguồn điểm tập trung ở khu vực đô thị, khu đông dân cư, khu công nghiệp phía Nam của tỉnh và dọc theo trục giao thông chính (QL22-QL22B).

- Kết quả mô phỏng dự báo lan truyền các chất ô nhiễm trong không khí: Theo kết quả mô phỏng dự báo lan truyền các chất ô nhiễm trong không khí, nồng độ cao nhất 24h các thông số có xu hướng gia tăng so với hiện trạng như TSP tăng 1,5 lần ($246 \mu g/m^3$); $PM_{2.5}$ tăng 1,8 lần ($38,1 \mu g/m^3$); PM_{10} tăng 1,3 lần ($134 \mu g/m^3$); SO_2 tăng 4,2 lần ($98,9 \mu g/m^3$); NO_x tăng 1,2 lần ($102 \mu g/m^3$); CO tăng 1,1 lần ($8.459 \mu g/m^3$). Thông số TSP, PM_{10} vượt giới hạn của QCVN 05:2023/BTNMT (24h) và thông số CO vượt khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới (WHO Air Quality Guidelines 2021). Phân bố nồng độ cao nhất trong vòng 24h các thông số không có nhiều khác biệt với hiện trạng tuy nhiên vùng phân bố có xu hướng mở rộng hơn.

3. Phân tích, nhận định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí

- Chất lượng môi trường không khí xung quanh tỉnh Tây Ninh có sự khác nhau giữa phía Bắc và phía Nam của tỉnh. Môi trường không khí xung quanh ở tỉnh Tây Ninh chịu ảnh hưởng từ nhiều nguồn phát sinh khí thải, trong đó các nguồn tác động chính có thể thống kê do phát thải khí từ các hoạt động phát triển công nghiệp, nông nghiệp; hoạt động giao thông vận tải; hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng; hoạt động thu gom và xử lý chất thải; hoạt động sinh hoạt.

- Tác động từ hoạt động công nghiệp: ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, dệt, sản xuất da, công nghiệp chế biến sản phẩm từ cao su và plastic chiếm tỷ trọng 75% toàn ngành công nghiệp của tỉnh. Quy trình công nghệ, quy mô sản xuất và nhiên liệu sử dụng mà các hoạt động công nghiệp khác nhau sẽ phát sinh

khí thải với thành phần và nồng độ khác nhau. Các ngành dệt may, dệt sợi sử dụng lò hơi trong sản xuất, sản xuất xi măng, gạch nung hay chế biến tinh bột sắn, chế biến mùn cao su đều có phát sinh khí thải trong quá trình sản xuất. Trong đó lượng phát thải SO_2 , NO_2 và TSP chiếm phần lớn trong tải lượng các chất ô nhiễm.

- Tác động từ hoạt động giao thông vận tải: phát thải từ giao thông đường bộ là nguồn đóng góp tải lượng chính các chất ô nhiễm vào môi trường không khí tỉnh Tây Ninh. 02 tuyến Quốc lộ (QL22 và QL22B) với tổng chiều dài khoảng 132km là trục giao thông chính kết nối thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ với Campuchia cho thấy mật độ phương tiện tại trên trục đường này luôn ở mức cao. Các chất gây ô nhiễm không khí từ giao thông chủ yếu sinh ra do khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu động cơ bao gồm CO, NO_x , SO_2 , hơi xăng dầu (VOCs), PM_{10} , ... chất lượng mặt đường kém làm cho bụi do đất cát cuốn vào không khí.

- Tác động từ hoạt động sản xuất nông nghiệp: phần lớn các trang trại chăn nuôi đã có trang bị hệ thống xử lý chất thải, tuy nhiên vẫn còn các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ, xen lẫn trong khu dân cư thiếu các biện pháp xử lý chất thải gây ra tình trạng ô nhiễm mùi cục bộ xung quanh. Bên cạnh chăn nuôi, đốt hờ sinh khối (rác sinh hoạt và bao bì thuốc bảo vệ thực vật) cũng tác động rất lớn đến chất lượng môi trường không khí tại địa phương.

- Tác động từ các nguồn phát thải ở các vùng lân cận, các nguồn lan truyền tầm xa (ô nhiễm liên tỉnh và xuyên biên giới): Hiện nay, địa bàn tỉnh chưa ghi nhận các trường hợp bị ảnh hưởng ô nhiễm không khí bởi các nguồn thải từ các địa phương lân cận. Đối với ô nhiễm môi trường xuyên biên giới, thời gian qua Vương quốc Campuchia có kế hoạch xây dựng điểm tập kết, xử lý rác thải tại khu vực cột mốc phụ 113/1 thuộc ấp Trapeang Rumseng, xã Trapeang Phlong, huyện Ponhea Kreak, tỉnh Tbong Khmum, đối diện ấp Tân Đông 1, xã Tân Lập, huyện Tân Biên. Đây là dự án của tỉnh Tboung Khmum diện tích khoảng 15 hecta, cách đường biên giới khoảng 230 mét về phía Campuchia. Khu vực dự kiến xây dựng điểm tập kết, xử lý rác có địa hình cao hơn Việt Nam), tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường không khí tại khu vực này.

- Ảnh hưởng của các điều kiện khí tượng bất lợi, các quá trình hóa lý trong khí quyển, các yếu tố đặc thù của địa phương: chất lượng môi trường không khí tỉnh Tây Ninh có thể gia tăng khả năng tự làm sạch do các yếu tố như tốc độ gió, lượng mưa và địa hình bằng phẳng thông thoáng hoặc gia tăng phản ứng quang hóa, hiện tượng nghịch nhiệt bởi bức xạ mặt trời và nắng nóng kéo dài do tác động của biến đổi khí hậu.

4. Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến sức khỏe cộng đồng

- Môi liên hệ giữa ô nhiễm không khí và các bệnh có liên quan: Ô nhiễm môi trường không khí gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng và những thiệt hại về kinh tế cũng như vấn đề xã hội. Mức độ ảnh hưởng của từng đối tượng phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình trạng sức khỏe, nồng độ, loại chất ô nhiễm và thời gian tiếp xúc với môi trường ô nhiễm, nhóm cộng đồng nhạy cảm

bao gồm người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ mang thai, người có bệnh mãn tính, phụ nữ có thai, người lao động ngoài trời. Mức độ ảnh hưởng của từng người tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe, nồng độ, loại chất ô nhiễm và thời gian tiếp xúc với môi trường ô nhiễm. Khí thải từ các hoạt động giao thông và hoạt động công nghiệp chứa nhiều thành phần như bụi, CO, NO_x, SO₂, kim loại nặng, chất hữu cơ....

- Số ca nhập viện, số ca tử vong, bệnh trạng liên quan đến ô nhiễm không khí: Hiện nay, các bệnh liên quan đến hô hấp có nhiều nguyên nhân gây ra, việc xác định chính xác nguyên nhân của một số bệnh lý do ảnh hưởng trực tiếp từ môi trường không khí là một vấn đề hết sức phức tạp cần có nhiều thời gian và có các nghiên cứu chuyên sâu. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng có mối tương quan rất chặt chẽ giữa chất lượng môi trường không khí và sức khỏe của người dân. Dựa trên số liệu tổng hợp từ Sở Y tế tỉnh Tây Ninh, trong giai đoạn từ năm 2019 – 2024, tỉ lệ số ca nhập viện do các bệnh liên quan đến hệ hô hấp trên tổng số ca nhập viện có xu hướng giảm dần, từ 14,7% năm 2020 xuống 2,9% năm 2024; tỉ lệ ca tử vong do các bệnh liên quan đến hệ hô hấp trên tổng số ca tử vong tăng lên qua từng năm, từ năm 2020 tỉ lệ 4,6% tăng lên 20,8% vào năm 2024.

- Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí tới sức khỏe người dân tại tỉnh Tây Ninh: Sử dụng mô hình AirQ+ để ước lượng tác động của một số chất ô nhiễm không khí (PM_{2.5}, PM₁₀, SO₂, NO_x) lên một số bệnh có liên quan.

- Đánh giá ảnh hưởng sức khỏe ngắn hạn: Tỷ lệ quy kết ước tính do PM_{2.5} gây ra chiếm 0,03%, tương đương với khoảng 1 trường hợp; tỷ lệ quy kết ước tính do PM₁₀ gây ra chiếm 0,27%, tương ứng với khoảng 6 trường hợp; tỷ lệ quy kết ước tính do SO₂ gây ra là 0,35%, tương ứng với khoảng 8 trường hợp; tỷ lệ quy kết ước tính do NO_x là 0,02%, tương đương khoảng 1 trường hợp. Kết quả này cho thấy ảnh hưởng ngắn hạn của đối với sức khỏe dân số của (PM_{2.5}, PM₁₀, SO₂, NO_x) là hạn chế, để đánh giá đầy đủ tác động đòi hỏi các nghiên cứu sâu hơn với thời gian theo dõi dài hơn và quy mô mẫu lớn hơn.

- Đánh giá ảnh hưởng sức khỏe dài hạn: Đối với các bệnh về đường hô hấp như hen suyễn, viêm phế quản mãn tính và ung thư phổi, tỷ lệ quy kết ước tính là 1,59%, tương đương với khoảng 38 trường hợp bệnh có thể liên quan trực tiếp đến phơi nhiễm lâu dài với PM_{2.5}; tỷ lệ quy kết ước tính là 7,19%, tương đương với khoảng 173 trường hợp bệnh có thể liên quan trực tiếp đến phơi nhiễm lâu dài với PM₁₀.

5. Mục tiêu và phạm vi quản lý chất lượng môi trường không khí

5.1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường công tác quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thông qua kiểm soát chặt chẽ nguồn phát sinh khí thải; tăng cường năng lực phòng ngừa, giảm thiểu phát thải khí thải và giám sát, cảnh báo, dự báo chất lượng không khí; cải thiện chất lượng môi trường không khí và bảo vệ sức khỏe nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bền vững theo định hướng quản lý tại Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng

môi trường không khí, giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Tây Ninh đến năm 2030 như sau:

- Quản lý chất lượng môi trường không khí bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí dựa trên kết quả quan trắc định kỳ các thông số cơ bản: SO₂ (lưu huỳnh (sulfur) dioxide), CO (carbon monoxide), NO₂ (nitơ (nitrogen) dioxide), O₃ (ozone), TSP (tổng bụi lơ lửng), bụi PM₁₀, bụi PM_{2,5}.

- Duy trì tỉ lệ số ngày trong năm chỉ số chất lượng môi trường không khí (VN_AQI) tại các trạm quan trắc tự động từ trung bình đến tốt (VN_AQI <100) đạt trên 90%.

- Cải thiện chỉ số chất lượng môi trường không khí (VN_AQI) tại Thị xã Trảng Bàng đạt giá trị tốt (VN_AQI <50) tăng dần hằng năm.

- Công khai thông tin chỉ số chất lượng môi trường không khí (VN_AQI), cảnh báo, dự báo chất lượng không khí xung quanh tại khu vực trung tâm đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu vực tập trung nhiều nguồn thải bằng các hình thức khác nhau để cập nhật, cung cấp thông tin diễn biến chất lượng môi trường không khí đến cộng đồng.

- *Kiểm soát nguồn điểm:*

- + Đảm bảo 100% cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định phải đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát.

- + Đảm bảo 100% cơ sở sản xuất công nghiệp có xả khí thải phải có kế hoạch kiểm soát và giải pháp xử lý khí thải; có hệ thống xử lý khí thải đảm bảo khí thải phát sinh được xử lý theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra môi trường; không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường không khí nghiêm trọng.

- + Kiểm kê khí thải đối với các cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đạt 50% vào năm 2025, đạt 100% vào năm 2030 để tạo cơ sở dữ liệu kiểm kê khí thải phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- + Khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

- *Kiểm soát nguồn di động:*

- + Kiểm soát tốt nguồn khí thải từ hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh nhằm tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành ở Việt Nam và các quy định của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn Euro 4.

+ Từng bước khuyến khích chuyển đổi sử dụng nhiên liệu sinh học, diện cho các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đặc biệt là phương tiện công cộng; kiểm soát và loại bỏ phương tiện cơ giới hết niên hạn sử dụng.

- *Kiểm soát nguồn điện:*

+ Kiểm soát hiệu quả các nguồn khí thải phát sinh từ các hoạt động dân sinh, xây dựng, nông nghiệp; hạn chế tối đa và tiến tới chấm dứt việc đốt không kiểm soát, đốt hờ (đốt rác thải, bao bì thuốc bảo vệ thực vật,...).

+ 100% công trình xây dựng thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường trong thi công và vận chuyển nguyên vật liệu.

+ 100% trang trại chăn nuôi quy mô lớn có công trình xử lý chất thải, xử lý mùi đảm bảo quy định.

+ 100% khu vực khai thác khoáng sản có biện pháp giảm thiểu bụi trong giai đoạn khai thác và phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

5.3. Phạm vi quản lý chất lượng môi trường không khí

Kế hoạch thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh, trong đó có sự ưu tiên nguồn lực, tập trung quản lý, giám sát một số nguồn thải chính, cụ thể như sau:

- Các Khu kinh tế, Khu công nghiệp tập trung ở thị xã Trảng Bàng (KCN Trảng Bàng, KCN Thành Thành Công, KCN – KCX Linh Trung III), huyện Gò Dầu (KCN Phước Đông), huyện Dương Minh Châu (KCN Chà Là), huyện Bến Cầu (KCN TMTC thuộc KKTCK Mộc Bài), các cụm công nghiệp và các KCN-CCN hình thành mới trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ sở sản xuất, nhà máy công nghiệp có tải lượng xả thải lớn.

- Các tuyến đường giao thông có mật độ phương tiện cao như Quốc lộ 22, Quốc lộ 22B, ĐT784, ĐT793, ĐT785, ĐT781, ĐT786, ...

- Các trang trại, khu chăn nuôi tập trung (heo, gà, bò sữa, ...) ở các huyện Dương Minh Châu, Châu Thành, Tân Biên, Tân Châu, Gò Dầu và huyện Bến Cầu.

- Các công trường xây dựng giao thông, công nghiệp và dân dụng.

6. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm không khí

6.1. Đánh giá, phân tích chi phí hiệu quả các giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí và đề xuất lựa chọn giải pháp ưu tiên thực hiện.

Việc thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian qua đã mang lại hiệu quả tích cực, diễn hình như:

- Quan trắc, đánh giá được chất lượng không khí, khí thải cơ sở sản xuất, kinh doanh. Đồng thời xác định các vấn đề cấp bách, những tồn tại, khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, từ đó đề xuất những giải pháp, kế hoạch phù hợp khắc phục tình trạng ô nhiễm trên địa bàn tỉnh.

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra luôn được Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, một mặt tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, mặt khác nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp, người dân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường.

- Việc tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn giúp cho cơ quan, doanh nghiệp và người dân hiểu rõ hơn về trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ môi trường từ đó tuân thủ tốt quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường; thực hiện tốt các quy định về xử thải nhằm đảm bảo sức khỏe của con người

- Xây dựng kế hoạch hành động chi tiết về quản lý chất lượng không khí trong giai đoạn 2026 – 2030 dựa trên các đề xuất ưu tiên thực hiện như:

+ Tăng cường công tác giám sát và đo lường chất lượng không khí. Các dữ liệu về chất lượng không khí thu thập được sẽ giúp cung cấp thông tin cần thiết cho quyết định và giám sát việc thực hiện các biện pháp quản lý không khí.

+ Quản lý, kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm không khí từ các nguồn khí thải công nghiệp, hợp tác cùng các cơ quan quản lý nhằm đánh giá và kiểm soát quy mô, chất lượng và sự an toàn của các cơ sở công nghiệp trong tỉnh. Đồng thời, đẩy mạnh sử dụng các công nghệ sạch, áp dụng kỹ thuật thực tế tốt nhất (BAT) và kinh tế tuần hoàn để giảm thiểu khí thải.

+ Đẩy mạnh công tác quản lý ô nhiễm không khí từ phương tiện giao thông, bằng cách khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông chạy bằng điện, sử dụng các phương tiện giao thông công cộng và các phương tiện chạy bằng năng lượng sạch. Đồng thời, nâng cao chất lượng nhiên liệu và áp dụng các biện pháp kiểm soát khí thải từ phương tiện giao thông theo lộ trình của Chính phủ.

+ Tuyên truyền và nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác động của ô nhiễm không khí đến sức khỏe con người và môi trường. Thực hiện các hoạt động giáo dục và tuyên truyền để tăng cường ý thức và thay đổi hành vi của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường và giảm thiểu ô nhiễm không khí.

+ Tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực trong quản lý chất lượng không khí, thông qua việc hợp tác với các tổ chức phi chính phủ và các đối tác quốc tế để chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật, và nguồn lực để giải quyết vấn đề ô nhiễm không khí.

+ Tổ chức đánh giá định kỳ về chất lượng không khí và hiệu quả của các biện pháp đã thực hiện, từ đó điều chỉnh và hoàn thiện kế hoạch quản lý chất lượng không khí theo thời gian.

6.2. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm không khí

6.2.1. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn điểm

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn thuộc đối tượng phải thực hiện lắp đặt quan trắc tự động, liên tục khí thải tại các

nguồn theo quy định tại Phụ lục XXIX, kèm theo Nghị định số 08/2022/ND-CP trước ngày 10/1/2025, dừng hoạt động các cơ sở không tuân thủ.

- Không thu hút đầu tư, mở rộng quy mô các cơ sở thuộc nhóm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trong khu đô thị, khu dân cư không đảm bảo yêu cầu về khoảng cách an toàn môi trường; các dự án xử lý rác sinh hoạt bằng lò đốt có công suất dưới 5 tấn/ngày đêm.

- Không chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án chăn nuôi có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; kiểm soát chặt chẽ việc thẩm định hồ sơ môi trường cấp Giấy phép môi trường, chỉ cho phép các dự án đi vào hoạt động sau khi đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định.

- Xây dựng lộ trình di dời các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xen kẽ trong khu dân cư, khu đô thị vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Xây dựng, ban hành lộ trình thực hiện đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành theo quy định tại khoản 6 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích các doanh nghiệp quy mô trung bình và nhỏ; các cơ sở sản xuất theo công nghệ cũ, lạc hậu có phát sinh bụi, khí thải lớn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thực hiện đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất tại các cơ sở nhằm hạn chế phát sinh khí thải.

- Vận động, khuyến khích các cơ sở công nghiệp sử dụng nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo; đầu tư, đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất, nâng cao năng lực, trình độ công nghệ quản trị; áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống chứng nhận theo TCVN ISO 14001; phát triển, ứng dụng các công nghệ xử lý môi trường theo hướng tuần hoàn, tái sử dụng chất thải.

6.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn di động

- Phát triển hệ thống giao thông vận tải công cộng, phương tiện giao thông công cộng sử dụng điện và nhiên liệu sạch; tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, hình thành thói quen sử dụng phương tiện giao thông công cộng của người dân.

- Kiểm soát phát thải khí thải định kỳ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông; ngăn chặn, loại bỏ phương tiện hết niên hạn sử dụng tham gia giao thông trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm soát chặt chẽ công tác đăng ký, đăng kiểm xe ô tô, xe mô tô 2 bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới đảm bảo tiêu chuẩn khí thải mức 5.

- Khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách đầu tư phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện môi trường để phát triển hệ thống vận tải hành khách theo hướng bền vững.

- Điều tiết, phân luồng giao thông hạn chế ùn tắc kéo dài tại các tuyến đường giao thông trong tỉnh; giảm ùn tắc giao thông tại các đoạn đường giao nhau giữa quốc lộ với khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch đặc biệt vào giờ cao điểm, ngày lễ, tết cổ truyền và các ngày lễ lớn của địa phương.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm triển khai hiệu quả Kế hoạch số 2690/KH-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh, Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí carbon và khí methane của ngành giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông gắn với duy tu, bảo đảm an toàn giao thông và khai thác có hiệu quả các công trình hạ tầng giao thông thuộc thẩm quyền quản lý.

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra các đơn vị bán lẻ và phân phối xăng, dầu trên địa bàn tỉnh để phòng ngừa hành vi buôn bán xăng, dầu kém chất lượng;

6.2.3. Nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn diện

** Đối với hoạt động xây dựng:*

- Kiểm soát, ngăn chặn ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình thi công xây dựng các công trình trong đô thị, các công trình hạ tầng giao thông, các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, sản xuất bê tông nhựa nóng.....

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra các công trình xây dựng trên địa bàn về việc tuân thủ các cam kết bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng đã được phê duyệt tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường.

** Đối với nguồn sinh hoạt:*

- Loại bỏ việc sử dụng bếp than tổ ong trong sinh hoạt của khu dân cư ở các đô thị trong thành phố; xử lý nghiêm các trường hợp đốt rác thải không đúng quy định, gây ô nhiễm môi trường tại các đô thị.

- Khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo để giảm sự phụ thuộc vào các nguồn nhiên liệu hóa thạch.

** Đối với hoạt động nông nghiệp*

- Chấm dứt tình trạng đốt rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp sau mỗi vụ thu hoạch; tăng cường thu gom, xử lý, chế biến rơm rạ, phụ phẩm nông lâm nghiệp sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích.

- Áp dụng và chuyển đổi các công nghệ chăn nuôi theo công nghệ cao, chăn nuôi tập trung ứng dụng các kỹ thuật kiểm soát, giảm ô nhiễm mùi.

** Đối với kiểm soát chất thải rắn:*

- Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn; tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải để giảm lượng chất thải đưa vào xử lý, giảm tải cho các lò đốt chất thải rắn sinh hoạt.

- Thực hiện quy trình đóng cửa các bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt đã lấp đầy; không mở rộng thêm các bãi chôn lấp.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ thu hút đầu tư để sớm triển khai và đưa vào hoạt động các Khu liên hợp xử lý chất thải quy mô lớn, áp dụng công nghệ hiện đại phù hợp với hoạt động phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn.

6.2.4. Nhóm các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát khác

a) Tuyên truyền, nâng cao năng lực, nhận thức cộng đồng

- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường không khí, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cán bộ quản lý môi trường các cấp, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hướng dẫn các chủ dự án, đơn vị quản lý, thi công các công trình xây dựng, các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng thực hiện các quy định, biện pháp về kiểm soát bụi, khí thải trong hoạt động xây dựng.

- Đưa nội dung bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường không khí nói riêng vào chương trình giáo dục, đào tạo các cấp học của địa phương.

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc sử dụng nhiên liệu xanh, sạch cho phương tiện giao thông cơ giới, cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh; thay đổi thói quen tham gia giao thông, tăng cường sử dụng phương tiện công cộng và giảm phương tiện cá nhân.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng, trình độ cho nhân lực từ cấp tỉnh đến cấp xã về công tác quản lý chất lượng môi trường không khí

- Tổ chức tập huấn phổ biến các chính sách, quy định của pháp luật về môi trường cho các nhân viên phụ trách công tác môi trường tại các cơ sở sản xuất.

b) Ban hành cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật

- Tiếp tục xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiên liệu sạch, áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất giảm thiểu phát thải.

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành quy định phân vùng xả thải đối với khí thải.

- Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn ứng phó, thực hiện biện pháp khẩn cấp trong trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng.

- Tăng cường công tác phối hợp về quản lý chất lượng môi trường không khí liên vùng, liên tỉnh.

- Ban hành hướng dẫn thu phí bảo vệ môi trường đối với các nguồn khí thải theo quy định của pháp luật.

c) Nâng cao năng lực phòng ngừa, cảnh báo ô nhiễm môi trường không khí

- Lắp đặt trạm giám sát tự động chất lượng môi trường không khí xung quanh. Tại các khu công nghiệp kết hợp với hệ thống hiển thị chỉ số VN_AQI.

- Rà soát, cập nhật, bổ sung mạng lưới quan trắc môi trường không khí phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030.

- Cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu quan trắc trên địa bàn tỉnh; công khai thông tin về chất lượng không khí và ô nhiễm không khí hàng ngày trong các chương trình phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tây Ninh.

- Tăng cường công tác khảo sát, giám sát môi trường khu vực giáp biên giới Vương quốc Campuchia để kịp thời phát hiện và thực hiện biện pháp khẩn cấp trong trường hợp có xảy ra các sự cố về ô nhiễm không khí.

d) Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa và huy động sự tham gia của cộng đồng

- Tăng cường nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm với tổ chức trong nước và quốc tế, các chuyên gia quản lý, bảo vệ môi trường không khí.

- Tăng cường nguồn ngân sách cho các cơ quan quản lý nhà nước để đầu tư trang thiết bị quan trắc tự động liên tục và quan trắc định kỳ, quản lý cơ sở dữ liệu về khí thải và chất lượng môi trường không khí, các công cụ tính toán chỉ số chất lượng môi trường không khí (AQI), mô hình dự báo chất lượng không khí.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ của quốc tế (tài chính, kinh nghiệm, chuyên gia công nghệ,...) thông qua hợp tác song phương và đa phương cho quản lý chất lượng môi trường không khí.

- Áp dụng các chính sách hỗ trợ thuế, tài chính ưu đãi đối với các dự án đầu tư phát triển các hình thức giao thông công cộng phát thải thấp.

- Nghiên cứu, đề xuất mức hỗ trợ lãi suất vay đầu tư phương tiện xe buýt phù hợp có thể thu hút được các doanh nghiệp đầu tư phương tiện mới.

- Khuyến khích và tạo điều kiện về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Lộ trình thực hiện của Kế hoạch quản lý chất lượng không khí

Danh mục các chương trình, nhiệm vụ ưu tiên và lộ trình thực hiện đến năm 2030 được trình bày chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

7.2. Vai trò, trách nhiệm của cơ quan thường trực và các cơ quan phối hợp thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí

7.2.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch này; rà soát, tham mưu báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch để phù hợp với

điều kiện thực tiễn; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện; đề xuất UBND tỉnh tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cho giai đoạn tiếp theo.

- Tổ chức công bố Kế hoạch, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án, bảo đảm phù hợp với các mục tiêu, nội dung, giải pháp của Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan duy trì thực hiện chương trình quan trắc môi trường không khí trong chương trình quan trắc định kỳ chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh; rà soát, cập nhật mạng lưới quan trắc môi trường phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; theo dõi các trạm quan trắc không khí tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh, các điểm nóng ô nhiễm môi trường không khí (nếu có); xây dựng đồng bộ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về chất lượng môi trường không khí; thực hiện việc tính toán, công bố chỉ số chất lượng không khí xung quanh theo hướng dẫn của Tổng cục Môi trường tại Quyết định số 1459/QĐ-TCMT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tổng cục Môi trường; truyền tải dữ liệu của hệ thống các trạm quan trắc tự động, liên tục về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm giám sát, điều hành kinh tế, xã hội tập trung tỉnh để các cơ quan chuyên môn, cơ quan thông tấn, báo chí có thể theo dõi, tiếp cận.

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, vận hành hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục; phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, đôn đốc, xử lý các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục và truyền số liệu về Sở Nông nghiệp và môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường nhưng chưa triển khai; theo dõi và giám sát để phát hiện kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp có số liệu quan trắc khí thải vượt giới hạn cho phép theo quy định của pháp luật; rà soát và hướng dẫn các cơ sở đảm bảo thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Rà soát, phân loại, lập danh mục và lộ trình thực hiện kiểm kê 100% các nguồn khí thải đối với các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có công suất xả khí thải lớn trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định chặt chẽ hồ sơ môi trường đối với các dự án đầu tư có phát thải khí thải có khả năng gây ô nhiễm môi trường.

- Tham mưu UBND tỉnh, phối hợp với các các tỉnh giáp ranh và nước bạn trong việc giải quyết các vấn đề ô nhiễm không khí liên vùng và xuyên biên giới.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan hướng dẫn người dân triển khai việc thu gom, xử lý, chế biến phụ phẩm sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích, ban hành kế hoạch và lộ trình chấm dứt tình trạng đốt phụ phẩm nông nghiệp, bao bì bảo vệ thực vật theo quy định.

- Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp, làng nghề; hướng dẫn việc xử lý khí thải sau biogas, xử lý mùi tại các trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

7.2.2. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp (nếu có), cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất trong Cụm công nghiệp thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, trong đó có hạ tầng về bảo vệ môi trường; quản lý môi trường không khí trong sản xuất công nghiệp và thương mại.

- Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu sạch.

7.2.3. Sở Xây dựng

- Tham mưu UBND tỉnh phát triển hạ tầng giao thông đô thị cho phương tiện giao thông sử dụng năng lượng tái tạo; rà soát, phối hợp với các đơn vị về quản lý diện tích cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện cải tạo, chuyển đổi các cơ sở sản xuất gạch đất sét, đất nung sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu, thiết bị cũ tiêu tốn nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng theo; tiếp tục thực hiện Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định 1366/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh.

- Hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc hướng dẫn, kiểm tra nội dung thiết kế cơ sở của chủ dự án, đơn vị quản lý, thi công các công trình xây dựng, thực hiện nghiêm túc các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường. Ưu tiên các giải pháp thiết kế xanh, thân thiện với môi trường và tuần hoàn tái sử dụng chất thải.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát các chất gây ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện giao thông; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới; nghiên cứu, đề xuất ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát khí thải đối xe cơ giới nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp được quy định tại Quyết định số 19/2024/QĐ-TTg ngày 15/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì triển khai đầu tư phát triển hạ tầng giao thông công cộng, ưu tiên năng lượng sạch; triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; nâng cao chất lượng dịch vụ sử dụng xe buýt, giảm mức giá vé thu hút người dân sử dụng.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, chỉ đạo các đơn vị trong ngành giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh đối với phương tiện, thiết bị, hạ tầng giao thông xanh trong giao thông vận tải.

- Thường xuyên hướng dẫn và giám sát hoạt động thi công các dự án, công trình giao thông đảm bảo các quy định về an toàn giao thông và phòng, chống ô nhiễm môi trường. Đề xuất các giải pháp hiệu quả nhằm ngăn ngừa, hạn chế, giảm thiểu bụi, khí thải trong hoạt động xây dựng công trình giao thông.

7.2.4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan hỗ trợ nghiên cứu khoa học công nghệ, áp dụng hệ thống tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật và thông tin về dữ liệu nhằm kiểm soát chất lượng không khí; tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng nhiên liệu; đầu tư nghiên cứu khoa học cho các hoạt động về quản lý chất lượng không khí.

- Phối hợp với các sở, ngành thực hiện thẩm định công nghệ các dự án đầu tư phát thải khí thải lớn; ưu tiên các công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường công bố kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí trên các nền tảng do Sở quản lý; chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác truyền thông về tác động của khí thải gây ảnh hưởng đến sức khỏe, đặc biệt là tại đô thị và những khu vực có chất lượng môi trường không khí thấp, trong trường hợp có xảy ra ô nhiễm không khí cần có phương án cảnh báo kịp thời cho cộng đồng dân cư.

7.2.5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh lồng ghép các nội dung về bảo vệ môi trường không khí, nguy cơ và tác hại của ô nhiễm không khí tới sức khỏe con người vào nội dung đào tạo, các buổi sinh hoạt ngoại khóa cho học sinh.

7.2.6. Sở Tài chính

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất UBND tỉnh về kinh phí thực hiện các chương trình, đề án tăng cường quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh trong kế hoạch ngân sách hàng năm.

- Đề xuất UBND tỉnh trong việc ưu tiên kêu gọi đầu tư đối với các đơn vị có công nghệ sản xuất tiên tiến, ít gây ô nhiễm môi trường không khí, hạn chế các loại hình sản xuất phát sinh lưu lượng khí thải lớn, công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Chủ trì, phối với Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan liên quan lựa chọn thu hút đầu tư các dự án sử dụng công nghệ sạch, hiện đại, sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường, giảm thiểu phát thải khí thải ra môi trường.

7.2.7. Sở Y tế

- Đề xuất các chương trình, dự án nghiên cứu ảnh hưởng ô nhiễm không khí tới sức khỏe trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn các biện pháp bảo vệ sức khỏe trước tác động của ô nhiễm không khí.

- Tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm từ các hoạt động đốt chất thải y tế của các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

7.2.8. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc kiểm soát các phương tiện lưu thông trên đường hết niên hạn sử dụng, đảm bảo thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường.

- Kiểm tra, phát hiện kịp thời, ngăn chặn và xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện điều tiết, phân luồng giao thông hợp lý để hạn chế tình trạng ùn tắc tại các tuyến đường giao thông trong tỉnh; đặc biệt tại các khu vực cổng trường học, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Khu du lịch.

7.2.9. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của các cơ sở phát thải ô nhiễm không khí trong các Khu kinh tế, Khu công nghiệp; xử lý, đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm;

- Yêu cầu, hướng dẫn các đơn vị sản xuất trong các Khu kinh tế, Khu công nghiệp thực hiện triệt để việc thu gom, xử lý bụi, khí thải đảm bảo chất lượng khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải.

- Lập kế hoạch kiểm soát chất lượng môi trường không khí trên địa bàn các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, đặc biệt lưu ý đến các cơ sở sản xuất phát sinh nguồn bụi, khí thải lớn.

- Trong hoạt động thu hút đầu tư, khuyến khích các cơ sở sử dụng nhiên liệu sạch, áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống ISO 140001 trong sản xuất nhằm giảm thiểu phát thải.

- Thống kê nguồn khí thải đối với các doanh nghiệp sản xuất trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý.

7.2.10. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ trì, phối hợp triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường không khí, kiểm kê đánh giá nguồn phát sinh khí thải tại địa phương; giải quyết kịp thời các kiến nghị, khiếu nại về ô nhiễm môi trường không khí xảy ra trên địa bàn; thông tin kịp thời về ô nhiễm, sự cố xảy ra trên địa bàn cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Kiểm tra các cơ sở sản xuất công nghiệp, các hoạt động sản xuất kinh, doanh phát sinh mùi thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn.

- Đẩy mạnh tuyên truyền kiểm soát và ngăn chặn việc đốt rác, đốt bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn.

- Chịu trách nhiệm việc phát sinh mới các bãi rác tạm gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn quản lý.

7.2.11. Các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Cụm công nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí từ hoạt động sản xuất, thi công, vận tải; chủ động thực hiện nâng cao năng lực, cải tiến đổi mới quy trình, trang thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải đảm bảo không gây ô nhiễm không khí; thực hiện thường xuyên việc quan trắc, giám sát khí thải. Đối với nguồn thải thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường phải thực hiện theo quy định.

- Thực hiện tiết kiệm năng lượng và nguyên vật liệu, nhiên liệu để tăng cường hiệu quả của các quá trình sản xuất công nghiệp; sử dụng nhiên liệu từ sinh khối, năng lượng tái tạo thay thế cho các dạng năng lượng hóa thạch (than đá, dầu FO,...); tăng cường áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống chứng nhận theo TCVN ISO 14001.

7.3. Cơ chế báo cáo, giám sát, phối hợp, chia sẻ, công khai, trao đổi, cung cấp thông tin về chất lượng môi trường không khí

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Tây Ninh; định kỳ hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về UBND tỉnh; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Kế hoạch, xây dựng và triển khai Kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo làm cơ sở đề xuất kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

7.4. Cơ chế phân bổ nguồn lực thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương), xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác./.



PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ KIỂM KÊ CÁC NGUỒN THẢI CHÍNH

(kèm theo Quyết định số: 868 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Bảng 1. Kết quả kiểm kê phát thải nguồn điểm

Stt	Nguồn phát thải	Mức phát thải (tấn/năm)					
		TSP/PM	PM ₁₀	PM _{2.5}	SO ₂	NO _x	CO
1	Sản xuất vải, sợi, dệt nhuộm (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu tẩy) có sử dụng lò hơi đốt than hoặc đốt dầu truyền nhiệt.	348,4	99,6	90,1	1.193,3	1.022,6	1.105,1
2	Tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường: công suất lò đốt từ 400 kg/giờ trở lên.	3,1	-	-	0,6	8,6	5,7
3	Tái chế, xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế: tất cả.	1,4	-	-	-	0,0	1,2
4	Sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất: tất cả.	-	-	-	-	-	-
5	Sản xuất, gia công giấy da	26,2	22,6	5,6	29,1	37,2	352,3
6	Sản xuất xi măng: tất cả.	45,0	-	-	84,6	270,2	46,3
7	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản, phân bón hóa học: tất cả.	2,1	-	-	0,1	0,3	16,4
8	Chế biến cao su: tất cả.	69,0	-	0,8	71,9	128,4	306,0
9	Chế biến tinh bột sắn	38,8	-	12,5	84,8	107,4	257,8
10	Chế biến mía đường	169,7	-	-	-	35,4	684,6
11	Sản xuất gạch	854,6	-	-	694,4	-	-
12	Ngành nghề khác	69,1	-	-	3,5	34,5	38,8
	Tổng phát thải nguồn điểm	1.627,4	122,2	109,0	2.162,2	1.644,9	2.814,2

Bảng 2. Kết quả kiểm kê phát thải nguồn di động

Stt	Nguồn phát thải	Mức phát thải (tấn/năm)				
		PM _{2.5}	SO ₂	NO _x	CO	HC
1	Ô tô có số lượng chỗ ngồi < 9 chỗ	0,7	8,6	349,2	734,9	86,5
2	Phương tiện giao thông thương mại chở hàng hóa có trọng tải nhỏ (< 3,5 tấn)	43,6	10,9	378,7	3.125,6	19,5
3	Phương tiện giao thông thương mại chở hàng hóa có trọng tải lớn (> 3,5 tấn)	95,6	52,2	1.348,9	531,0	496,5
4	Xe mô tô 2 bánh	10,2	4,4	141,8	3.993,9	1.311,4
5	Xe buýt	2,1	1,2	57,0	13,6	5,0
6	Các phương tiện di động khác (đường thủy)	10,6	0,1	364,4	-	-
	Tổng phát thải nguồn di động	162,9	77,4	2.640,1	8.398,9	1.918,8

Bảng 3. Kết quả kiểm kê phát thải nguồn diện

Stt	Nguồn phát thải	Mức phát thải (tấn/năm)						
		TSP/PM	PM ₁₀	PM _{2.5}	SO ₂	NO _x	CO	NMVOC
1	Khu vực bãi tập kết chất thải rắn	0,0004	0,0002	0,00003	-	-	-	444,8
2	Đốt sinh khối hờ (cháy rừng)	7,9	-	6,9	1,8	0,4	78,4	6,1
3	Đốt hờ nông nghiệp	2.844,1	778,8	719,4	395,4	87,9	19.139,2	1.539,1
4	Đun nấu sinh hoạt	-	-	248,4	186,2	77,1	4.318,1	721,9
5	Công trình xây dựng	118,0	11,8	-	-	-	-	-
6	Làng nghề (đạn mây tre Hòa Thành)	400,0	-	-	-	-	-	-
7	Chăn nuôi gia súc gia cầm quy mô công nghiệp	869,5	312,9	47,3	68,6	-	-	-
8	Khoáng sản	4,7	2,1	1,1	-	-	-	-
	Tổng phát thải nguồn diện	4.244,2	1.105,6	1.023,1	652,1	165,4	23.535,7	2.711,9



PHỤ LỤC 2
DANH MỤC VÀ PHÂN KÝ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH ĐẾN NĂM 2030
(kèm theo Quyết định số: 868/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
I	Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về quản lý chất lượng môi trường không khí						
1.	Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn ứng phó, thực hiện biện pháp khẩn cấp trong trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng ⁵	- Xác định các khu vực có nguy cơ xảy ra trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng; - Xây dựng phương án ứng phó và huy động nhân sự, nguồn lực để triển khai ứng phó khẩn cấp khi xảy ra sự cố về chất lượng môi trường không khí; - Ban hành văn bản hướng dẫn ứng phó, thực hiện biện	Sở Nông nghiệp và môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2026	Văn bản hướng dẫn	500

⁵ Điều 10, nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022; Chương trình, dự án ưu tiên thực hiện theo Quyết định số 985a/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 1/6/2016.

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
		pháp khẩn cấp trong trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng					
2.	Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiên liệu sạch, áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất giảm thiểu phát thải. ⁶	Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiên liệu sạch, áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất giảm thiểu phát thải	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2026	Kế hoạch	500
3.	Xây dựng và ban hành Đề án di dời các cơ sở phát tán khí thải, bụi, mùi khó chịu tác động xấu đến sức khỏe con người đang hoạt động	- Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin xác định các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ phát tán khí thải, bụi, mùi khó chịu tác động xấu đến sức khỏe con người	Sở Nông nghiệp và môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2026 - 2030	Kế hoạch	1.000

⁶ Chỉ thị 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/01/2021; Chương trình ưu tiên thực hiện theo Quyết định số 1973/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/11/2021; Chương trình, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện theo Quyết định số 985a/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 4/6/2016.

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
	trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường. ⁷	đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo quy định tại khoản 6 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2025/TT-BTNMT ngày 12/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Xây dựng phương án di dời, chấm dứt hoạt động đối với các cơ sở không đáp ứng yêu cầu về khoảng cách an toàn về môi trường. - Ban hành Đề án di dời các cơ sở phát tán khí thải, bụi, mùi khó chịu tác động xấu đến sức khỏe con người đang					

⁷ Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư 02/2025/TT-BTNMT ngày 12/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
		hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường.					
4.	Xây dựng đề án Phát triển hệ thống giao thông vận tải công cộng, phương tiện giao thông công cộng sử dụng năng lượng sạch (xe điện, xe chạy LPG, sử dụng xăng E5, E10), hạn chế sử dụng xe cá nhân. ⁸	- Điều tra, đánh giá hiện trạng sử dụng nhiên liệu của hệ thống giao thông vận tải công cộng; - Xác định khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyển đổi sử dụng nhiên liệu sạch trong ngành giao thông; - Đánh giá tác động của việc chuyển đổi, hạn chế sử dụng phương tiện cá nhân; - Xây dựng Đề án phát triển hệ thống giao thông vận tải công cộng, phương tiện giao thông công cộng sử dụng	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2026	Đề án	1.000

⁸ Chỉ thị 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/01/2021

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
		năng lượng sạch (xe điện, xe chạy LPG, sử dụng xăng E5, E10), hạn chế sử dụng xe cá nhân.					
5.	Xây dựng kế hoạch và lộ trình giảm dần tiến tới chấm dứt hoạt động đốt hờ sinh khối (đốt phế phẩm nông nghiệp, bao bì thuốc bảo vệ thực vật) ⁹	- Đánh giá hiện trạng hoạt động đốt hờ sinh khối trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; - Đánh giá tác động môi trường của hoạt động đốt hờ đến môi trường, sức khỏe của con người; - Dự báo quy mô hoạt động đốt hờ đến năm 2030; - Xây dựng giải pháp, biện pháp giảm thiểu hoạt động đốt hờ; - Xây dựng Kế hoạch và lộ trình giảm dần tiến tới chấm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2026	Kế hoạch	500

⁹ Khoản 4 Điều 61 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyết định số 1973/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/11/2021

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
		dứt hoạt động đốt hử sinh khối (đốt phế phẩm nông nghiệp, bao bì thuốc bảo vệ thực vật)					
6.	Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Tây Ninh; xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo ¹⁰	- Đánh giá kết quả đạt được các mục tiêu của Kế hoạch giai đoạn trước; - Xác định mặt làm được và hạn chế trong quá trình thực hiện Kế hoạch đã ban hành; - Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng không khí giai đoạn tiếp theo phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường n	Sở Nông nghiệp và môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2030	Báo cáo	500
II	Năng cao năng lực phòng ngừa và cảnh báo các nguồn ô nhiễm không khí						

¹⁰ Phần III Mục 1 Công văn số 3051/BTNMT-TCMT ngày 07/6/2021.

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
7.	Xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026 – 2030 phù hợp với quy định pháp luật. ¹¹	- Rà soát, cập nhật quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xây dựng đồng bộ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về chất lượng môi trường không khí. - Kiểm tra, giám sát hoạt động các trạm quan trắc tự động, liên tục khí thải tại các nguồn khí thải lớn theo quy định tại Phụ lục XXIX kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và truyền tin hiệu về Sở Tài nguyên và môi trường.	Sở Nông nghiệp và môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2026-2030	Đề án và Trạm quan trắc tự động, liên tục	5.000

¹¹ Chỉ thị 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/01/2021; Chương trình ưu tiên thực hiện theo Quyết định số 1973/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/11/2021; Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
		- Đầu tư, lắp đặt, vận hành trạm giám sát tự động chất lượng môi trường không khí xung quanh tại các khu vực nhạy cảm kết hợp với hệ thống hiển thị chỉ số VN_AQI. - Tham mưu Quyết định phê duyệt Đề án mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026 - 2030					
8.	Công khai dữ liệu quan trắc trên địa bàn tỉnh về chất lượng không khí. ¹²	- Tích hợp dữ liệu quan trắc trên địa bàn tỉnh về chất lượng không khí tỉnh Tây Ninh trên website của Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2026 - 2030	Trang web, bản tin, bài báo	500

¹² Chỉ thị 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/01/2021; Chương trình ưu tiên thực hiện theo Quyết định số 1973/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/11/2021

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
		- Cập nhập thông tin, cơ sở; công khai thông tin về chất lượng không khí và ô nhiễm không khí hàng ngày trong các chương trình phát sóng trên Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Tây Ninh					
III	Tăng cường năng lực kiểm soát các nguồn thải không khí						
9.	Thống kê, cập nhật thông tin các nguồn điểm gây ô nhiễm môi trường không khí, kiểm kê phát thải các nguồn ô nhiễm định kỳ hằng năm.	- Thống kê, cập nhật thông tin các nguồn điểm gây ô nhiễm môi trường không khí, kiểm kê phát thải các nguồn ô nhiễm định kỳ hằng năm. - Lập danh mục các cơ sở cần kiểm tra, giám sát hoạt động xả khí thải ra ngoài môi trường.	Sở Nông nghiệp và môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hằng năm	Báo cáo	200

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
10.	Kiểm soát khí thải định kỳ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành, thu hồi, loại bỏ phương tiện cơ giới cũ nát. ¹³	- Xây dựng kế hoạch Kiểm soát khí thải định kỳ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành, thu hồi, loại bỏ phương tiện cơ giới cũ nát; - Triển khai thực hiện Kế hoạch Kiểm soát khí thải định kỳ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành, thu hồi, loại bỏ phương tiện cơ giới cũ nát - Lập báo cáo về kết quả triển khai Kiểm soát khí thải định kỳ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành, thu hồi, loại bỏ phương tiện cơ giới cũ nát	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2026 - 2030	Báo cáo	200

¹³ Chương trình, dự án ưu tiên thực hiện theo Quyết định số 985a/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 1/6/2016; Nội dung Chỉ thị 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/01/2021

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
11.	Triển khai thí điểm các mô hình giải pháp thay thế nhằm hạn chế đốt hờ phế phẩm nông nghiệp, bao bì thuốc bảo vệ thực vật. ¹⁴	- Xây dựng mô hình giải pháp thay thế nhằm hạn chế đốt hờ phế phẩm nông nghiệp, bao bì thuốc bảo vệ thực vật; - Xây dựng phương án thí điểm và các nguồn lực để triển khai thực hiện; - Triển khai thí điểm mô hình thay thế nhằm hạn chế đốt hờ phế phẩm nông nghiệp, bao bì thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2026-2027	Mô hình	1.000
12.	Nhân rộng các mô hình chăn nuôi xanh, chăn nuôi giảm phát thải, mô hình kinh tế nông nghiệp	- Xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện mô hình chăn nuôi xanh, chăn nuôi giảm phát thải, mô hình kinh tế nông nghiệp tuần hoàn bền vững trên địa bàn toàn tỉnh;	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2026-2030	Hội thảo hướng dẫn mô hình	600

¹⁴ Khoản 4 Điều 61, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
	tuần hoàn bền vững trên địa bàn toàn tỉnh. ¹⁵	- Tập huấn, tuyên truyền triển khai tài liệu hướng dẫn đến các nhóm đối tượng;					
13.	Tổ chức, thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định. ¹⁶	Tổ chức, thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Báo cáo	500
14.	Điều tra, đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến sức khỏe cộng đồng, dự báo đến năm 2030 ¹⁷	- Điều tra, đánh giá hiện trạng các bệnh có liên quan đến ô nhiễm không khí trên địa bàn tỉnh;	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị	Năm 2026	Kế hoạch	1.000

¹⁵ Khoản 6 Điều 61, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

¹⁶ Điều 148, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

¹⁷ Chỉ thị 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/01/2021; Khoản 3 Điều 12, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
		- Xác định nguyên nhân các bệnh liên quan đến ô nhiễm không khí trên địa bàn; - Phân tích, Dự báo tác động của ô nhiễm không khí đến sức khoẻ cộng đồng đến năm 2030; - Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, giảm thiểu tác động ô nhiễm không khí đến sức khoẻ cộng đồng.		xã, thành phố			
IV	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức trong bảo vệ môi trường không khí						
15.	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường không	- Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý môi trường tại địa phương - Tổ chức tập huấn kiến thức về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất tại doanh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2026	Hội thảo, tập huấn	500

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
	khí, ứng phó với biến đổi khí hậu ¹⁸	ngành theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường					
16.	Xây dựng tài liệu, tổ chức tuyên truyền tuyên truyền về tác động của ô nhiễm không khí đến sức khỏe của cộng đồng. ¹⁹	Xây dựng tài liệu, tổ chức tuyên truyền tuyên truyền về tác động của ô nhiễm không khí đến sức khỏe của cộng đồng.	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2026	Tài liệu, bản tin tuyên truyền	300
V	Cải tiến công nghệ sản xuất và hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất tại các cơ sở sản xuất						
17.	Thu hút đầu tư mới Khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt theo công nghệ hiện đại và chấm dứt hoạt động các Nhà máy xử lý có công nghệ lạc	- Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật thu hút nhà đầu tư “Khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt theo công nghệ hiện đại”	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2026 - 2030	Nhà máy	Vốn doanh nghiệp

¹⁸ Điều 154, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

¹⁹ Khoản 3 Điều 12, Luật Bảo vệ môi trường 2020; Chương trình, dự án ưu tiên thực hiện theo Quyết định số 985a/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 1/6/2016.

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
	hậu, gây ô nhiễm môi trường ²⁰	- Lựa chọn Nhà đầu tư đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật theo đúng quy định pháp luật.					
18.	Chuyển đổi công nghệ sản xuất gạch đất sét nung từ lò Hoffman sang lò Tuynen trên toàn bộ các Nhà máy gạch trên địa bàn tỉnh ²¹	Thực hiện Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh về việc Ban hành Tiêu chí để xem xét, chấp thuận chủ trương cho các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung gia hạn thời gian hoạt động, chuyển đổi công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2026 - 2027	Nhà máy	Vốn doanh nghiệp
19.	Khuyến khích áp dụng kỹ thuật thực tế tốt nhất (BAT) đối với Dự án/cơ sở theo lộ trình quy định	- Ban hành văn bản hướng dẫn doanh nghiệp triển khai, áp dụng kỹ thuật thực tế tốt nhất (BAT) đối với Dự án/cơ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị	Giai đoạn 2026 - 2027	Nhà máy áp dụng kỹ thuật thực tế tốt nhất	Vốn doanh nghiệp

²⁰ Khoản 4 Điều 78, Khoản 3 Điều 82, Luật Bảo vệ môi trường 2020

²¹ Quyết định 1366/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 22 tháng 6 năm 2022; Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng.

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Kinh phí thực hiện ước tính (Triệu đồng)
	tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. ²²	sở theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP - Đốc thúc, đôn đốc doanh nghiệp áp dụng các công nghệ hiện đại.		xã, thành phố			

Ghi chú: Các nhiệm vụ/dự án nêu trên chỉ là dự kiến thực hiện trong thời gian tới, tùy theo tình hình thực tế, quy định của pháp luật hiện hành, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, cơ quan chuyên môn trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo đúng quy định pháp luật hiện hành trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

²² Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022; Chương trình, dự án ưu tiên thực hiện theo Quyết định số 985a/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 1/6/2016.